

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Năm học 2023 – 2024**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	593	2	36	181	313	48	13	0	434	119	40
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
A	Khối ngành I	302	1	17	98	167	19	0	0	219	62	21
	Ngành Giáo dục Đặc biệt	9	0	0	2	7	0	0	0	9	0	0
	Ngành Giáo dục học	9	0	0	1	7	1	0	0	6	3	0
	Ngành Giáo dục Mầm non	36	0	1	8	25	2	0	0	28	7	1
	Ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh	10	0	0	2	6	2	0	0	9	1	0
	Ngành Giáo dục Thể chất	10	0	0	2	8	0	0	0	2	8	0
	Ngành Giáo dục Tiểu học	69	0	4	21	34	10	0	0	50	12	7
	Ngành Sư phạm Địa lý	6	0	0	4	2	0	0	0	3	3	0
	Ngành Sư phạm Hoá học	4	0	2	2	0	0	0	0	2	0	2
	Ngành Sư phạm khoa học tự nhiên	32	0	1	10	20	1	0	0	24	7	1
	Ngành Sư phạm Lịch sử	8	0	0	3	5	0	0	0	5	3	0
	Ngành Sư phạm Ngữ văn	13	0	3	3	5	2	0	0	7	3	3
	Ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý	16	0	0	3	13	0	0	0	16	0	0
	Ngành Sư phạm Sinh học	6	0	1	3	2	0	0	0	2	3	1
	Ngành Sư phạm Tiếng Anh	30	0	1	4	25	0	0	0	26	3	1

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc	6	0	0	4	2	0	0	0	5	1	0
	Ngành Sư phạm Tin học	12	0	0	6	6	0	0	0	8	4	0
	Ngành Sư phạm Toán học	13	0	3	10	0	0	0	0	7	3	3
	Ngành Sư phạm Vật lý	5	1	1	3	0	0	0	0	3	0	2
	Ngành Giáo dục công dân	3	0	0	2	0	1	0	0	2	1	0
	Ngành Sư phạm công nghệ	5	0	0	5	0	0	0	0	5	0	0
B	Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
D	Khối ngành IV	13	0	6	4	3	0	0	0	6	1	6
	Ngành Hoá học	10	0	4	3	3	0	0	0	5	1	4
	Ngành Vật lý học	3	0	2	1	0	0	0	0	1	0	2
E	Khối ngành V	23	0	1	9	13	0	0	0	20	2	1
	Ngành Công nghệ Thông tin	23	0	1	9	13	0	0	0	20	2	1
F	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
G	Khối ngành VII	187	1	5	68	101	12	0	0	147	34	6
	Ngành Công tác xã hội	6	1	0	1	4	0	0	0	4	1	1
	Ngành Ngôn ngữ Anh	36	0	1	8	26	1	0	0	29	6	1
	Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc	14	0	0	3	7	4	0	0	13	1	0
	Ngành Ngôn ngữ Nga	7	0	0	7	0	0	0	0	7	0	0
	Ngành Ngôn ngữ Nhật	19	0	0	3	13	3	0	0	16	3	0
	Ngành Ngôn ngữ Pháp	9	0	0	7	2	0	0	0	9	0	0
	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	25	0	0	9	16	0	0	0	20	5	0
	Ngành Quốc tế học	12	0	1	4	7	0	0	0	8	3	1
	Ngành Tâm lý học	19	0	2	6	7	4	0	0	10	7	2
	Ngành Tâm lý học giáo dục	12	0	0	5	7	0	0	0	8	4	0
	Ngành Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	3	0	0	3	0	0	0	0	2	1	0

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngành Văn học	10	0	0	5	5	0	0	0	8	2	0
	Ngành Việt Nam học	12	0	1	4	7	0	0	0	10	1	1
	Ngành Địa lý học	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Ân Thị Hào		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Mầm non
2	Âu Bửu Long		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Tâm lý học
3	Bạch Linh Trang		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
3	Bạch Linh Trang		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
4	Bùi Đức Tiến		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
5	Bùi Hồng Quân		Tiến sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Mầm non
6	Bùi Mạnh Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Ngữ văn
7	Bùi Nguyễn Bích Thy		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
8	Bùi Phụng Nghi Linh		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nhật
9	Bùi Thanh Truyền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Việt Nam học
10	Bùi Thế Quân		Tiến sĩ	Toán giải tích		Sư phạm Toán học
11	Bùi Thị Mai Hương		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Trung Quốc
12	Bùi Thị Mỹ Duyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Ngữ văn
13	Bùi Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
14	Bùi Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
15	Bùi Trần Quỳnh Ngọc		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Hàn Quốc
16	Bùi Trí Vũ Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
17	Bùi Vũ Thanh Nhật		Thạc sĩ	Địa lý học		Sư phạm Địa lý
18	Bùi Xuân Hào		Tiến sĩ	Hoá học		Hoá học
19	Cao Anh Tuấn		Tiến sĩ	Khác		Vật lý học
20	Cao Hồng Phát		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
21	Cao Lê Dung Chi		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
22	Cao Lê Dung Nghi		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Nhật		Ngôn ngữ Nhật
23	Cao Nguyễn Khánh Huyền		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Quốc tế học
24	Cao Thành Tấn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Mầm non
25	Cao Thị Huyền Châu		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
26	Cao Thị Sông Hương		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
27	Cao Tiểu Nhã		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Du lịch
28	Cao Trần Tứ Hải		Tiến sĩ	Hình học và tô pô		Giáo dục Tiểu học
29	Châu A Phi		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
30	Châu Hồng Thắng		Thạc sĩ	Địa chất học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
31	Châu Thị Kim Ngân		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Tiểu học
32	Chung Lê Khang		Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
32	Chung Lê Khang		Tiến sĩ	Việt Nam học		Tâm lý học
33	Đàm Anh Thư		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Văn học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
34	Đàm Nguyễn Thùy Dương		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
35	Đàm Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Việt Nam học
36	Đặng Anh Hồng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục học
37	Đặng Khánh Linh		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Sư phạm khoa học tự nhiên
38	Đặng Ngọc Hân		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Đặc biệt
39	Đặng Ngọc Hân		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
40	Đặng Ngọc Như Quỳnh		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Pháp
41	Đặng Thị Diễm My		Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt		Ngôn ngữ Anh
42	Đặng Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		Ngôn ngữ Trung Quốc
43	Đặng Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Nga
43	Đặng Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Văn học		Sư phạm Tiếng Nga
44	Đặng Văn Khoa		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
45	Đào Huy Cường		Tiến sĩ	Toán giải tích		Sư phạm Toán học
46	Đào Ngọc Bích		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
47	Đào Thị Duy Duyên		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
48	Đào Thị Hoàng Hoa		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
49	Đào Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Mầm non
50	Đào Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
51	Đào Thị Mộng Ngọc		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới		Quốc tế học
52	Đào Xuân Phương Trang		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
53	Đinh Huy Bảo		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Giáo dục Mầm non
54	Đinh Quỳnh Châu		Thạc sĩ	Khác		Tâm lý học giáo

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						dục
55	Đinh Thảo Quyên		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
56	Đinh Thị Hạnh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Sư phạm Vật lý
57	Đinh Trần Hạnh Nguyên		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
58	Đinh Văn Dương		Thạc sĩ	Toán ứng dụng		Giáo dục Tiểu học
59	Đỗ Chiêu Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
60	Đỗ Công Nam		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục học
61	Đỗ Đình Linh Vũ		Thạc sĩ	Khác		Văn học
62	Đỗ Hồ Huệ Liêng		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
63	Đỗ Tất Thiên		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
64	Đỗ Thành Trí		Thạc sĩ	Di truyền học		Sư phạm khoa học tự nhiên
65	Đỗ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
66	Đỗ Thị Thúy Yến		Thạc sĩ	Kinh tế		Ngôn ngữ Nhật
67	Đoàn Thanh Phương		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
68	Đoàn Thị Bình An		Thạc sĩ	Khác		Tâm lý học giáo dục
69	Đoàn Thị Tâm	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Giáo dục Tiểu học
70	Đoàn Thị Thanh Nhân		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
71	Đoàn Tiến Trung		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao		Giáo dục Thể chất
72	Dư Thống Nhất		Tiến sĩ	Giáo dục học		Quản lý giáo dục
73	Dương Bá Vũ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá học		Hoá học
74	Dương Minh Thành		Tiến sĩ	Toán học		Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
75	Dương Tấn Giàu		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
76	Dương Thanh Phương		Thạc sĩ	Nghệ thuật âm nhạc	Giáo dục mầm non	
77	Dương Thị Hồng Hiếu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Ngữ văn
78	Dương Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Mầm non
79	Dương Thúc Huy	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá học		Hoá học
80	Hà Thanh Liêm		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
81	Hạ Thị Mai Hương		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Pháp
82	Hà Văn Thắng		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Sư phạm Địa lý
83	Hồ Diệu Khuôn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
84	Hồ Ngọc Diễm Thanh		Thạc sĩ	Châu Á học		Sư phạm Lịch sử
85	Hồ Ngọc Khải		Thạc sĩ	Âm nhạc		Ngôn ngữ Anh
86	Hồ Ngọc Kiều		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Hàn Quốc
87	Hồ Thanh Tâm		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Sư phạm Lịch sử
88	Hồ Thị Ngọc Vương		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục học
89	Hồ Thị Xuân Vương		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Anh
90	Hồ Văn Tám		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Tiểu học
91	Hoàng Bích Khả		Đại học	Giáo dục Đặc biệt		Sư phạm Ngữ văn
92	Hoàng Đỗ Ngọc Trâm	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Giáo dục Tiểu học
93	Hoàng Đức Tâm	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Công nghệ thông tin
93	Hoàng Đức Tâm	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Vật lý học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
94	Hoàng Phong Tuấn		Tiến sĩ	Lý luận văn học		Sư phạm Ngữ văn
95	Hoàng Thị Hồng Trang		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nga
95	Hoàng Thị Hồng Trang		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Hàn Quốc
96	Hoàng Thị Nga		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Tâm lý học
97	Hoàng Thị Nga		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Đặc biệt
98	Hoàng Thị Phương		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
99	Hoàng Thị Thùy Dương		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Việt Nam học
100	Hoàng Trương Thúy An		Thạc sĩ	Giáo dục Đặc biệt		Giáo dục Đặc biệt
101	Hoàng Tuấn Ngọc		Tiến sĩ	Khác		Tâm lý học giáo dục
101	Hoàng Tuấn Ngọc		Tiến sĩ	Khác		Địa lý học
102	Hoàng Văn Tú		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Tâm lý học
103	Hoàng Vũ Minh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Anh
104	Huỳnh Công Kiều Xuân		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Pháp		Ngôn ngữ Hàn Quốc
105	Huỳnh Lâm Anh Chương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản lý giáo dục
106	Huỳnh Mai Trang		Tiến sĩ	Tâm lý học giáo dục		Tâm lý học
107	Huỳnh Nguyễn Nhân Hòa		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Hàn Quốc
108	Huỳnh Phẩm Dũng Phát		Tiến sĩ	Địa lý học		Sư phạm Địa lý
109	Huỳnh Thị Hoàng Oanh		Thạc sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Đặc biệt
110	Huỳnh Thị Ngọc Ánh		Đại học	Khác		Giáo dục Tiểu học
111	Huỳnh Thị Nhàn		Thạc sĩ	Hoá phân tích		Sư phạm khoa học tự nhiên
112	Huỳnh Trần Hoài Đức		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
113	Huỳnh Trung Phong		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
114	Huỳnh Văn Minh		Thạc sĩ	Hán Nôm		Sư phạm Ngữ văn
115	Huỳnh Văn Sơn	Giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Công tác xã hội
116	Huỳnh Việt Khánh		Tiến sĩ	Đại số và lý thuyết số		Giáo dục Tiểu học
117	Kiều Thị Thanh Trà		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
118	Lã Hạnh Ly		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
119	Lâm Ngọc Sơn		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
120	Lâm Thanh Minh		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Trung Quốc
121	Lê Anh Đức		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
122	Lê Đình Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Ngôn ngữ Nhật
123	Lê Đình Tùng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
124	Lê Đức Long		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Tin học
125	Lê Đức Sơn		Tiến sĩ	Triết học		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
126	Lê Duy Hùng		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
126	Lê Duy Hùng		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
127	Lê Hải		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Mầm non
128	Lê Hải Mỹ Ngân		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
129	Lê Huyền Trang		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
130	Lê Minh Triết		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Tin học
131	Lê Minh Trung		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Tin học
132	Lê Ngọc Tứ		Tiến sĩ	Hoá phân tích		Sư phạm Hoá học
132	Lê Ngọc Tứ		Tiến sĩ	Hoá phân tích		Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
133	Lê Ngọc Tường Khanh		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Tiểu học
134	Lê Nguyễn Hoàng Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Việt Nam học
135	Lê Nguyễn Như Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
136	Lê Nguyễn Vân An		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Ngôn ngữ Trung Quốc
137	Lê Phạm Minh Tuấn		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Pháp
138	Lê Phan Quốc		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
139	Lê Quang Nhựt		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo dục Tiểu học
140	Lê Quang Vương		Thạc sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm khoa học tự nhiên
141	Lê Tấn Phú		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục mầm non	
142	Lê Thái Bảo Thiên Trung	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Toán học
143	Lê Thanh Hải		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản lý giáo dục
144	Lê Thành Thái		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
145	Lê Thị Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quốc tế học
146	Lê Thị Hà		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
146	Lê Thị Hà		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Ngôn ngữ Anh
147	Lê Thị Huyền		Thạc sĩ	Khác		Tâm lý học
148	Lê Thị Liên		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nhật
149	Lê Thị Minh Đức		Thạc sĩ	Toán giải tích		Giáo dục Tiểu học
150	Lê Thị Ngà		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Tâm lý học giáo dục

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
151	Lê Thị Ngọc Chi		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Ngữ văn
152	Lê Thị Phương Duyên		Đại học	Kỹ thuật nữ công		Giáo dục Mầm non
153	Lê Thị Phương Linh		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nga
153	Lê Thị Phương Linh		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Nga
154	Lê Thị Phương Uyên		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Pháp
154	Lê Thị Phương Uyên		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Pháp
155	Lê Thị Thành		Đại học	Giáo dục Đặc biệt		Giáo dục học
156	Lê Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Mầm non
157	Lê Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		Giáo dục Tiểu học
158	Lê Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Hoá học		Công nghệ thông tin
159	Lê Thị Thu Liễu		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Nhật
160	Lê Thùy Trang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
161	Lê Tín Thanh		Tiến sĩ	Hoá hữu cơ		Sư phạm khoa học tự nhiên
162	Lê Tổng Ngọc Anh		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Giáo dục Tiểu học
163	Lê Văn Hoàng	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm Vật lý
164	Lê Văn Trung		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Giáo dục Tiểu học
165	Lê Việt Đức		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
166	Lê Vũ Kiều Hoa		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Thể chất
167	Lê Vũ Tường Vy		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục học
168	Lương Lê Hải		Tiến sĩ	Khác		Địa lý học
168	Lương Lê Hải		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm công nghệ
169	Lương Ngọc Hải		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản lý giáo dục
170	Lương Phúc Đức		Tiến sĩ	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
171	Lương Thị Lệ Thơ		Thạc sĩ	Sinh lý học thực vật		Sư phạm khoa học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						tự nhiên
172	Lương Thị Việt Xuân		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Sư phạm Ngữ văn
173	Lương Trần Hy Hiền		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Tin học
174	Lương Trần Ngọc Khiết		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
175	Lưu Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Tâm lý học giáo dục
176	Lưu Thị Xuân Hương		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Ngôn ngữ Anh
177	Lý Dinh Trân		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
177	Lý Dinh Trân		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Trung Quốc
178	Lý Duy Nhất		Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Ngôn ngữ Pháp
178	Lý Duy Nhất		Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm Vật lý
179	Lý Gia Yển		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Trung Quốc
180	Lý Nhựt Thiện		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
181	Ma Ngân Giang		Thạc sĩ	Quản lý thông tin		Công nghệ thông tin
182	Mai Hiền Lê		Tiến sĩ	Tâm lý học		Công tác xã hội
183	Mai Hoàng Phương		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm khoa học tự nhiên
184	Mai Hồng Đào		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công tác xã hội
184	Mai Hồng Đào		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
185	Mai Lê Quế Anh		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
186	Mai Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						dục
187	Mai Thị Thông		Đại học	Giáo dục Đặc biệt		Tâm lý học
188	Mai Thu Trang		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Chính trị
189	My Vinh Quang	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Toán học
190	Ngô Bá Khiêm		Tiến sĩ	Lịch sử		Giáo dục Chính trị
190	Ngô Bá Khiêm		Tiến sĩ	Lịch sử		Ngôn ngữ Anh
191	Ngô Bích Bảo Vy		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
192	Ngô Chon Tuệ		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		Sư phạm Lịch sử
193	Ngô Đức Tài		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
194	Ngô Kiên Trung		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
195	Ngô Minh Đức		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Toán học
195	Ngô Minh Đức		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Tiểu học
196	Ngô Minh Nhựt		Tiến sĩ	Vật lý học		Giáo dục Tiểu học
196	Ngô Minh Nhựt		Tiến sĩ	Vật lý học		Sư phạm Vật lý
197	Ngô Quốc Việt		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tin học
198	Ngô Sỹ Tráng		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Quốc tế học
199	Ngô Thị Ngọc Loan		Thạc sĩ	Sinh học		Giáo dục Tiểu học
200	Ngô Thị Phương		Tiến sĩ	Vật lý học		Giáo dục Tiểu học
201	Ngô Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Sư phạm Lịch sử
202	Ngô Thụy Trâm Anh		Thạc sĩ	Khác		Công nghệ thông tin
203	Ngũ Duy Trường		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật
204	Nguyễn Ánh Ngọc		Thạc sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
205	Nguyễn Anh Tiến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá vô cơ		Hoá học
206	Nguyễn Anh Trường		Thạc sĩ	Sư phạm nghệ thuật		Giáo dục Mầm non
207	Nguyễn Anh Tuấn		Tiến sĩ	Hình học và tôpô		Giáo dục Tiểu học
208	Nguyễn Bích Nhã Trúc		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài		Việt Nam học
209	Nguyễn Chí Công		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp		Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
				dạy học bộ môn		
210	Nguyễn Chung Thủy		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Quốc tế học
211	Nguyễn Đắc Thanh		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử giáo dục		Giáo dục học
212	Nguyễn Đặng Kim Khánh		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
213	Nguyễn Đình Ký		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Tâm lý học
214	Nguyễn Đình Thái		Đại học	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
215	Nguyễn Đình Việt		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
216	Nguyễn Đỗ Thái Nguyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Lịch sử
217	Nguyễn Đức Danh		Tiến sĩ	Giáo dục học		Quản lý giáo dục
218	Nguyễn Đức Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học		Ngôn ngữ Anh
219	Nguyễn Đức Trọng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Sư phạm Tin học
220	Nguyễn Duy Tâm		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Giáo dục mầm non	
220	Nguyễn Duy Tâm		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Anh
221	Nguyễn Hạo Nam		Đại học	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
222	Nguyễn Hồ Thanh Trúc		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
223	Nguyễn Hòa Nhã Lan		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
224	Nguyễn Hoàng Thiện		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Tiểu học
225	Nguyễn Hoàng Tuấn Cương		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Ngôn ngữ Anh
226	Nguyễn Hoàng Tùng		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Tiếng Anh
227	Nguyễn Hồng Anh		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài		Việt Nam học
228	Nguyễn Hồng Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		Ngôn ngữ Trung Quốc
229	Nguyễn Hùng Dũng		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Anh
230	Nguyễn Hữu Nghĩa		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
231	Nguyễn Hữu Nghĩa		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Ngôn ngữ Hàn Quốc
232	Nguyễn Huỳnh Bích Phương		Thạc sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Nhật
233	Nguyễn Huỳnh Duy Khang		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm công nghệ
234	Nguyễn Huỳnh Duy Khang		Tiến sĩ	Khác		Địa lý học
235	Nguyễn Khắc Văn		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
236	Nguyễn Khánh Băng		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
237	Nguyễn Kiều Tiên		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Sư phạm Tiếng Trung Quốc
238	Nguyễn Kiều Tuấn An		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
239	Nguyễn Kim Diễm Mai		Tiến sĩ	Khác		Công nghệ thông tin
240	Nguyễn Kỷ Trung		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
241	Nguyễn Lâm Duy		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - tin học công nghiệp		Sư phạm công nghệ
242	Nguyễn Lâm Duy		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - tin học công nghiệp		Ngôn ngữ Nga
243	Nguyễn Lâm Hữu Phước		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
244	Nguyễn Lê Anh		Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Sư phạm khoa học tự nhiên
245	Nguyễn Lê Chí Quyết		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Toán học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
246	Nguyễn Lê Tú Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
247	Nguyễn Linh Phong		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Tiểu học
248	Nguyễn Linh Phong		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
249	Nguyễn Lương Hải Khôi		Tiến sĩ	Văn học		Sư phạm Ngữ văn
250	Nguyễn Minh Giang		Tiến sĩ	Di truyền học		Giáo dục Tiểu học
251	Nguyễn Minh Hải		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		Sư phạm khoa học tự nhiên
252	Nguyễn Minh Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Thể chất
253	Nguyễn Minh Khánh		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao		Ngôn ngữ Anh
254	Nguyễn Minh Mẫn		Tiến sĩ	Lịch sử		Quốc tế học
255	Nguyễn Minh Ngọc		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Nhật
256	Nguyễn Minh Quân		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
257	Nguyễn Minh Quân		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Tiểu học
258	Nguyễn Ngọc Đan		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Tiểu học
259	Nguyễn Ngọc Hoa Đăng		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
260	Nguyễn Ngọc Hưng		Thạc sĩ	Hoá phân tích		Hoá học
261	Nguyễn Ngọc Khá	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Triết học		Giáo dục Chính trị
262	Nguyễn Ngọc Nam Phương		Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Đặc biệt
263	Nguyễn Ngọc Phương		Thạc sĩ	Hoá sinh học		Sư phạm khoa học tự nhiên
264	Nguyễn Ngọc Trọng		Tiến sĩ	Toán giải tích		Sư phạm Toán học
265	Nguyễn Ngọc Trung		Thạc sĩ	Khác		Công nghệ thông

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						tin
266	Nguyễn Như Hoa		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Sinh học ứng dụng
267	Nguyễn Như Quán Chi		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Giáo dục Tiểu học
268	Nguyễn Phát Đạt		Thạc sĩ	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học		Giáo dục Tiểu học
269	Nguyễn Phát Truyền		Thạc sĩ	Sinh học		Du lịch
270	Nguyễn Phước Bảo Khôi		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Việt Nam học
271	Nguyễn Phước Lộc		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
272	Nguyễn Phương Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
273	Nguyễn Quang Huy		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Ngôn ngữ Trung Quốc
274	Nguyễn Quốc Bảo		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Tiếng Anh
275	Nguyễn Thanh Bình		Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Sư phạm khoa học tự nhiên
276	Nguyễn Thanh Bình		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Anh
277	Nguyễn Thành Đạt		Thạc sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm khoa học tự nhiên
278	Nguyễn Thanh Hoa		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Đặc biệt
279	Nguyễn Thanh Loan		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm khoa học tự nhiên
280	Nguyễn Thanh Nga		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Trung Quốc
281	Nguyễn Thành Ngọc Bảo		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Văn học
282	Nguyễn Thành Nhân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Giáo dục Tiểu học
283	Nguyễn Thanh Tiến		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Lịch sử

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
284	Nguyễn Thành Trung		Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Quốc tế học
285	Nguyễn Thành Trung		Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Việt Nam học
286	Nguyễn Thanh Tú		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Vật lý
287	Nguyễn Thanh Tùng		Thạc sĩ	Toán giải tích		Giáo dục Tiểu học
288	Nguyễn Thanh Tùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Anh
289	Nguyễn Thị Anh Thư		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
290	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá hữu cơ		Sư phạm Hoá học
291	Nguyễn Thị Bình		Tiến sĩ	Địa lý học		Sư phạm Địa lý
292	Nguyễn Thị Diễm Hằng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
293	Nguyễn Thị Diễm My		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
294	Nguyễn Thị Diệu Hiền		Thạc sĩ	Văn hoá học		Văn học
295	Nguyễn Thị Giang		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Nga
296	Nguyễn Thị Giang		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nga
297	Nguyễn Thị Hà An		Tiến sĩ	Khác		Văn học
298	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Di truyền học		Sư phạm khoa học tự nhiên
299	Nguyễn Thị Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Nga
300	Nguyễn Thị Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nga
301	Nguyễn Thị Hằng Nga		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Mầm non
302	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
303	Nguyễn Thị Hảo		Thạc sĩ	Quang học		Sư phạm khoa học tự nhiên
304	Nguyễn Thị Hiên		Tiến sĩ	Khác		Giáo dục Mầm non
305	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Tiểu học
306	Nguyễn Thị Huệ Minh		Đại học	Công nghệ thông tin		Ngôn ngữ Nhật
307	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		Sư phạm Lịch sử
308	Nguyễn Thị Linh Chi		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nhật

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
309	Nguyễn Thị Lợi		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật
310	Nguyễn Thị Mai Phương		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
311	Nguyễn Thị Mai Thảo		Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo dục Tiểu học
312	Nguyễn Thị Minh		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam
313	Nguyễn Thị Minh Hồng		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
314	Nguyễn Thị Mỹ Xuân		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Sư phạm Ngữ văn
315	Nguyễn Thị Nga		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Toán học
316	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Công tác xã hội
317	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
318	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
319	Nguyễn Thị Ngọc Hoa		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
320	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quốc tế học
321	Nguyễn Thị Ngọc Thúy		Tiến sĩ	Giáo dục học		Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam
322	Nguyễn Thị Như Đông		Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
323	Nguyễn Thị Như Quỳnh		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
324	Nguyễn Thị Như Trang		Đại học	Biên đạo múa		Giáo dục Công dân
325	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Ngôn ngữ Trung Quốc
326	Nguyễn Thị Phượng		Đại học	Giáo dục Thể chất		Ngôn ngữ Hàn Quốc
327	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp		Du lịch

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
	Thanh			dạy học bộ môn		
328	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Ngôn ngữ Anh
329	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Giáo dục Chính trị
330	Nguyễn Thị Quỳnh Vân		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Trung Quốc
331	Nguyễn Thị Tấn		Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt	Giáo dục mầm non	
332	Nguyễn Thị Thanh Hải		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
333	Nguyễn Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Sinh thái học		Sư phạm khoa học tự nhiên
334	Nguyễn Thị Thanh Tuyên		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
335	Nguyễn Thị Thu		Thạc sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Tiểu học
336	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Mầm non
337	Nguyễn Thị Thu Thủy		Tiến sĩ	Khác		Giáo dục Tiểu học
338	Nguyễn Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
339	Nguyễn Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
340	Nguyễn Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Hoá học		Giáo dục Tiểu học
341	Nguyễn Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Hoá học		Sư phạm Hoá học
342	Nguyễn Thị Thương Huyền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh lý học người và động vật		Tâm lý học
343	Nguyễn Thị Thương Huyền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh lý học người và động vật		Sư phạm khoa học tự nhiên
344	Nguyễn Thị Trúc Linh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Hoá học
345	Nguyễn Thị Tú		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
346	Nguyễn Thị Tứ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
347	Nguyễn Thị Tú Quyên		Đại học	Khác		Tâm lý học
348	Nguyễn Thị Vân		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
349	Nguyễn Thị Việt Thuần		Tiến sĩ	Khác		Tâm lý học
350	Nguyễn Thị Xuân YẾN		Tiến sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
351	Nguyễn Thúc Thành Tín		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Pháp
352	Nguyễn Thúc Thành Tín		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Pháp
353	Nguyễn Tiến Công	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá hữu cơ		Sư phạm Hoá học
354	Nguyễn Tiến Dũng		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Giáo dục Tiểu học
355	Nguyễn Trà My		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
356	Nguyễn Trâm Anh		Đại học	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
357	Nguyễn Trần Minh Hải		Đại học	Triết học		Sư phạm Địa lý
359	Nguyễn Trần Nhật Linh		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Giáo dục Mầm non
360	Nguyễn Trần Phi Phụng		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Sư phạm Tin học
361	Nguyễn Trọng Hoàng		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
362	Nguyễn Tuấn Kiệt		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục học
363	Nguyễn Văn Diễn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
364	Nguyễn Văn Dũng		Thạc sĩ	Chính trị học		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
365	Nguyễn Văn Hiến		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục học
366	Nguyễn Văn Hồng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Thể chất
367	Nguyễn Văn Khánh		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Giáo dục Thể chất

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
368	Nguyễn Văn Mỹ		Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Sư phạm khoa học tự nhiên
369	Nguyễn Văn Ngà		Đại học	Khác		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
370	Nguyễn Văn Thịnh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
371	Nguyễn Văn Võ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Giáo dục Mầm non
372	Nguyễn Việt Hưng		Tiến sĩ	Máy tính và khoa học thông tin		Sư phạm Tin học
373	Nguyễn Việt Khoa		Tiến sĩ	Toán học		Giáo dục Tiểu học
374	Nguyễn Võ Thuận Thành		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
375	Nguyễn Vũ Thụ Nhân		Thạc sĩ	Toán giải tích		Sư phạm khoa học tự nhiên
376	Nguyễn Xuân Bắc		Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
377	Nguyễn Xuân Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
378	Nhữ Thị Phương Lan		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới		Sư phạm Lịch sử
379	Ninh Gia Hòa		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
380	Phạm Chung Thủy		Thạc sĩ	Lịch sử		Quốc tế học
381	Phạm Cử Thiện		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Sinh học
382	Phạm Đình Văn		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Sinh học
383	Phạm Đỗ Văn Trung		Tiến sĩ	Địa lý học		Du lịch
384	Phạm Đức Dũng		Tiến sĩ	Hoá hữu cơ		Hoá học
385	Phạm Duy Khánh		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Sư phạm Toán học
386	Phạm Duy Thiện		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Pháp
387	Phạm Duy Thiện		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Tiếng Pháp

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
388	Phạm Hà Minh		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
389	Phạm Hải Lê		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Giáo dục Tiểu học
390	Phạm Hoài Thảo Ngân		Thạc sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Mầm non
391	Phạm Hồng Mơ		Thạc sĩ	Địa lý học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
392	Phạm Huỳnh Kim Toàn		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Tiếng Pháp
393	Phạm Khánh Hòa		Đại học	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Mầm non
394	Phạm Mạnh Thắng		Tiến sĩ	Lịch sử		Giáo dục Công dân
395	Phạm Mạnh Thắng		Tiến sĩ	Lịch sử		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
396	Phạm Ngọc Đăng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
397	Phạm Ngọc Lan		Tiến sĩ	Lý luận văn học		Quốc tế học
398	Phạm Ngọc Lan		Tiến sĩ	Lý luận văn học		Việt Nam học
399	Phạm Ngọc Quế Trâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Sư phạm Tiếng Anh
400	Phạm Nguyễn Huy Hoàng		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Anh
401	Phạm Nguyễn Thành Vinh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Giáo dục Tiểu học
402	Phạm Phước Mạnh		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
403	Phạm Phương Anh		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
404	Phạm Quốc Hương		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử		Ngôn ngữ Anh
405	Phạm Quốc Hương		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử		Giáo dục Công dân
406	Phạm Song Hoàng Phúc		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật
407	Phạm Thành Đạt		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
408	Phạm Thanh Vũ		Tiến sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Quốc

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
						phòng - An ninh
409	Phạm Thanh Vũ		Tiến sĩ	Giáo dục học		Tâm lý học
410	Phạm Thị Bình		Tiến sĩ	Địa lý học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
411	Phạm Thị Diễm Thúy		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Ngôn ngữ Hàn Quốc
412	Phạm Thị Lan Phương		Tiến sĩ	Kinh tế giáo dục		Giáo dục Đặc biệt
413	Phạm Thị Lệ Hằng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Giáo dục Mầm non
414	Phạm Thị Minh Nguyệt		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
415	Phạm Thị Thảo Uyên		Thạc sĩ	Hoá hữu cơ		Hoá học
416	Phạm Thị Thu Thủy		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Toán học
417	Phạm Thị Thúy Hằng		Thạc sĩ	Hán Nôm		Văn học
418	Phạm Thị Thùy Trang		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Văn học
419	Phạm Thị Xuân Hương		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Giáo dục Tiểu học
420	Phạm Thùy Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
421	Phạm Tiến Kha		Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo dục Tiểu học
422	Phạm Văn Hiền		Đại học	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
423	Phan Đình Hoàng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
424	Phan Duy Khôi		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Văn học
425	Phan Duy Nhất		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
426	Phan Lê		Tiến sĩ	Toán học		Giáo dục Tiểu học
427	Phan Ngọc Hưng		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Giáo dục Tiểu học
428	Phan Ngọc Hưng		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Sư phạm công nghệ
429	Phan Ngọc Trần		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Việt Nam học
430	Phan Ngọc Yên		Thạc sĩ	Hình học và tô pô		Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
431	Phan Nguyễn Thái Phong		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Ngôn ngữ Pháp
432	Phan Nguyễn Thái Phong		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Sư phạm Tiếng Pháp
433	Phan Thanh Bích Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
434	Phan Thanh Hà		Thạc sĩ	Sinh lý học người và động vật		Giáo dục Tiểu học
435	Phan Thanh Hà		Thạc sĩ	Sinh lý học người và động vật		Giáo dục Đặc biệt
436	Phan Thành Lễ		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Thể chất
437	Phan Thị Cẩm Hồng		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Giáo dục Thể chất
438	Phan Thị Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Đặc biệt
439	Phan Thị Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Quốc tế học
440	Phan Thị Mỹ Hoa		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Mầm non
441	Phan Thị Ngọc Loan	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Vật lý học
442	Phan Thị Ngọc Loan	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
443	Phan Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Triết học		Giáo dục Mầm non
444	Phan Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Giáo dục học		Tâm lý học
445	Phan Thu Vân		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Ngữ văn
446	Phan Thu Vân		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
447	Phan Văn Phú		Tiến sĩ	Địa lý tự nhiên		Sư phạm Địa lý
448	Quách Trọng Liêm		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
449	Quách Văn Toàn Em		Thạc sĩ	Sinh thái học		Sư phạm Sinh học
450	Sái Thị Mây		Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
451	Sầm Vĩnh Lộc		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
452	Tạ Đức Hiếu		Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
453	Tạ Tú Quỳnh		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
454	Tăng Minh Dũng		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
455	Tăng Ngọc Bình		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
456	Tăng Thị Tuyết Mai		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Văn học
457	Thái Hoài Minh		Tiến sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
458	Tô Phương Cường		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
459	Tô Thị Hạnh Nhân		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Ngôn ngữ Trung Quốc
460	Tô Thị Hoàng Lan		Thạc sĩ	Toán giải tích		Sư phạm khoa học tự nhiên
461	Tổng Xuân Tám	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Sinh học
462	Trần Bửu Đăng		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu		Sư phạm khoa học tự nhiên
463	Trần Chí Vĩnh Long		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công tác xã hội
464	Trần Đăng Bảo Ân		Tiến sĩ	Vật lý học		Ngôn ngữ Pháp
465	Trần Đăng Bảo Ân		Tiến sĩ	Vật lý học		Sư phạm công nghệ
466	Trần Đức Tâm		Thạc sĩ	Khác		Công nghệ thông tin
467	Trần Đức Thuận		Tiến sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Tiểu học
468	Trần Hữu Quốc Thư		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Sư phạm Tin học
469	Trần Huỳnh Như		Thạc sĩ	Sinh học		Ngôn ngữ Anh
470	Trần Khai Xuân		Tiến sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Tiếng Trung Quốc

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
471	Trần Lan Phương		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm khoa học tự nhiên
472	Trần Lê Duy		Thạc sĩ	Lý luận văn học		Văn học
473	Trần Lê Quân		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
474	Trần Mạnh Tuấn		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
475	Trần Ngọc Bảo		Tiến sĩ	Khác		Sư phạm Tin học
476	Trần Ngọc Huy		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm khoa học tự nhiên
477	Trần Nguyễn Trí Dũng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Anh
478	Trần Phương Dung		Thạc sĩ	Hoá học		Sư phạm khoa học tự nhiên
479	Trần Quang Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
480	Trần Quang Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
481	Trần Sơn Hải		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
482	Trần Thanh Dư		Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học		Giáo dục Tiểu học
483	Trần Thanh Dũng		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Giáo dục Tiểu học
484	Trần Thanh Nhã		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
485	Trần Thị Hiếu Nghĩa		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Toán học
486	Trần Thị Hiếu Nghĩa		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Tin học
487	Trần Thị Hoài Thương		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Sư phạm Tiếng Anh
488	Trần Thị Minh Định		Tiến sĩ	Vi sinh vật học		Sư phạm Sinh học
489	Trần Thị Ngọc Hân		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
490	Trần Thị Phương Dung		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Giáo dục Tiểu học
491	Trần Thị Phương Hồng		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
492	Trần Thị Thanh Nga		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
493	Trần Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
494	Trần Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Giáo dục Tiểu học
495	Trần Thị Tô Nga		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học		Hoá học
496	Trần Thị Tú Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật
497	Trần Thị Tuyết Sương		Thạc sĩ	Việt Nam học		Sư phạm Ngữ văn
498	Trần Thiện Minh Thư		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Quốc tế học
499	Trần Thụy Ngọc Minh		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
500	Trần Trí Dũng		Tiến sĩ	Toán học		Sư phạm Toán học
501	Trần Trương Thị Ngọc		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Tiểu học
502	Trần Tuấn Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Đại số và lý thuyết số		Sư phạm Toán học
503	Trần Văn Dàng		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học
504	Trần Văn Hiếu		Thạc sĩ	Nghệ thuật quân sự		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
505	Trần Vĩ Lương		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục học
506	Triệu Tất Đạt		Thạc sĩ	Toán giải tích		Giáo dục Mầm non
507	Trịnh Bá Phương		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
508	Trịnh Huy Hoàng		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tin học
509	Trịnh Lê Hồng Phương		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục		Công nghệ thông tin
510	Trịnh Mai Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
511	Trịnh Thị Vàng Y		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
512	Trương Chí Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Sư phạm khoa học tự nhiên
513	Trương Đăng Hoài Thu		Thạc sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm khoa học tự nhiên
514	Trương Ly Cơ		Đại học	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
515	Trương Minh Khải		Thạc sĩ	Khác		Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
516	Trương Quốc Phú		Thạc sĩ	Hoá vô cơ		Hoá học
517	Trương Thị Kim Tiền		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Giáo dục Tiểu học
518	Trương Thị Ngân		Đại học	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
519	Trương Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Tâm lý học		Ngôn ngữ Anh
520	Trương Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
521	Trương Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
522	Trương Trường Sơn		Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		Sư phạm khoa học tự nhiên
523	Trương Văn Trí		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm		Sư phạm Sinh học
524	Văn Thế Thành		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
525	Văn Thị Cẩm Duyên		Đại học	Khác		Giáo dục Tiểu học
526	Võ Hồ Minh Trinh		Thạc sĩ	Khác		Sư phạm Tiếng Anh
527	Võ Hoàng Quân		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
528	Võ Hữu Trí		Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt		Giáo dục Tiểu học
529	Võ Minh Thành		Thạc sĩ	Tâm lý học		Công tác xã hội
530	Võ Minh Trung		Thạc sĩ	Tâm lý học		Giáo dục Đặc biệt
531	Võ Quang Trung		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao		Giáo dục Thể chất
532	Võ Thành Phát		Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo dục Tiểu học
533	Võ Thị Hồng Trước		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản lý giáo dục
534	Võ Thị Thu Trúc		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
535	Võ Thị Tường Vy		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học giáo dục
536	Võ Trường Linh		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Giáo dục Mầm non
537	Võ Văn Thanh		Thạc sĩ	Sinh học		Du lịch
538	Võ Văn Thanh		Thạc sĩ	Sinh học		Sinh học ứng dụng

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
539	Vũ Nguyên Minh Thy		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
540	Vũ Thị Hải Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Giáo dục Mầm non
541	Vũ Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nga
542	Vũ Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Sư phạm Tiếng Nga
543	Vũ Thu Hằng		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Trung Quốc
544	Vũ Triết Minh		Tiến sĩ	Khác		Ngôn ngữ Nhật
545	Vương Huệ Nghi		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
546	Vương Khương Hải		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
547	Vy Vân		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	28
2	Khối ngành II	0
3	Khối ngành III	0
4	Khối ngành IV	16
5	Khối ngành V	19
6	Khối ngành VI	0
7	Khối ngành VII	20